

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
2. Ông Trần Trung Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bạch Tuyết, sinh năm 1983; thường trú: Số 26/18 Phùng Khắc K, khu phố H, phường Đ, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ *Bị đơn:* Anh Nguyễn Chí T2, sinh năm 1982; thường trú: Số 26/18 Phùng Khắc K, khu phố H, phường Đ, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Bạch T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bạch T và anh Nguyễn Chí T tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2007, quyền số 01/2007, ngày 24/7/2007.

Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này hai anh, chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cụ thể: Bất đồng quan điểm, không hợp phau,

thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có sự đồng cảm, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Anh, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh T2 nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh T2 có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Gia Huy, sinh ngày 02/12/2016. Sau khi ly hôn chị T giao hai con chung cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hai con chung 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo biên bản lấy lời khai ngày 08/3/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Chí T trình bày:*

Thông nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian, điều kiện kết hôn và nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, khoảng 01 năm gần đây hai vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn như bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, hiện anh, chị không còn sống chung với nhau. Nay anh T2 xác định không còn tình cảm với chị T nên đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Về con chung: Anh T2 và chị T có hai con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/12/2016. Anh T2 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng/02con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Anh T2 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 11/3/2022, cháu Nguyễn Hoàng Gia B trình bày:* Trường hợp bố, mẹ không chung sống với nhau nữa con xin ở với bố vì mẹ không đủ tài chính để nuôi con. Những lời khai trên của con là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

- *Ngày 23/3/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Lê Thị Bạch T và anh Nguyễn Chí T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đông Hòa và được cung cấp như sau:* Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị Lê Thị Bạch T không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường Đông Hòa tiến hành hòa giải. Hội liên hiệp phụ nữ phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lê Thị Bạch T và anh Nguyễn Chí T. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh, chị Hội liên hiệp phụ nữ phường Đông Hòa không biết được.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của

người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bạch T và anh Nguyễn Chí T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2007, quyền số 01/2007, ngày 24/7/2007 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không có sự đồng cảm, chia sẻ. Bản thân anh T2 cũng thừa nhận quá trình chung sống anh, chị không hạnh phúc. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Thực tế, chị T và anh T2 không còn chung sống với nhau, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, tin tưởng và cả hai anh, chị đều thừa nhận hiện tại anh, chị không còn tình cảm với nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T2 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh T2 là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/12/2016 cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, anh T2 cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Đồng thời, cháu B cũng có nguyện vọng được sống cùng với anh T2 vì chị T không đủ kinh tế để trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Do đó, cần giao con chung Nguyễn Hoàng Gia B và Nguyễn Gia H cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ. Nay, chị T đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng/02 con), anh T2 cũng đồng ý mức cấp dưỡng chị T đưa ra nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Bạch T phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Bạch T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Nguyễn Chí T.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bạch T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T [Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2007, quyền số 01/2007, do Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/7/2007].

1.2 Về con chung: Chị Lê Thị Bạch T giao hai con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/12/2016 cho anh Nguyễn Chí T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Lê Thị Bạch T và anh Nguyễn Chí T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền được cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Về cấp dưỡng: Chị Lê Thị Bạch T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Hoàng Gia B, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 02/12/2016 mỗi con 1.500.000 đồng/tháng (tổng cộng 3.000.000 đồng/tháng/02 con). Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con chung Nguyễn Hoàng Gia B, Nguyễn Gia H đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Bạch T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003515 ngày 28/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Lê Thị Bạch T còn phải nộp 300.000 đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA